

TƯ DUY HỆ HÌNH LÝ LUẬN VĂN HỌC TRƯỜNG ĐĂNG DUNG NHÌN TỪ MỸ HỌC TIẾP NHẬN HIỆN ĐẠI

Nguyễn Xuân Thành

NCS Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học – Đại học Huế

TÓM TẮT

Trương Đăng Dung là nhà lý luận có công lao hàng đầu trong quá trình dịch chuyển hệ hình lý luận văn học Việt Nam từ (tiền) hiện đại sang hậu hiện đại, thông qua các nỗ lực giới thiệu mỹ học tiếp nhận. Ông đã có nhiều nghiên cứu về tác giả và quá trình sáng tạo văn bản văn học cũng như về độc giả và quá trình biến văn bản thành tác phẩm văn học. Bài viết đã đi sâu nghiên cứu các quan điểm mới của Trương Đăng Dung về tác giả, người đọc và văn bản, dựa trên nền tảng của Hiện tượng học, Trường giải học và Tiếp nhận văn học.

Từ khóa: Trương Đăng Dung, Mỹ học tiếp nhận, Trường giải học, Trường phái Konstanz, người đọc.

1. TÁC GIẢ VÀ QUÁ TRÌNH SÁNG TẠO VĂN BẢN VĂN HỌC

1.1. Diễn giải về Mỹ học tiếp nhận của trường phái Konstanz

Trường phái Mỹ học tiếp nhận ra đời vào những năm 60 của thế kỷ XX, tại trường Đại học Konstanz (Đức), nên nó còn có tên gọi là Trường phái Konstanz. Người đứng đầu của trường phái này là H.R. Jauss, bên cạnh đó còn có một tên tuổi lớn khác là W. Iser. Mục đích hàng đầu mà trường phái này đặt ra là “thay đổi mô hình khoa học văn học”. Tuy vậy, trong quan điểm lý thuyết của hai ông (Jauss và Iser) cũng có một số khác biệt. Jauss chú trọng đến trường giải học trong nghiên cứu, còn Iser thì nghiêng theo hướng hiện tượng học đã được hậu hiện đại hóa. Có thể nói, Mỹ học tiếp nhận là trường phái lý thuyết văn học được Trương Đăng Dung quan tâm nghiên cứu kỹ nhất và có ảnh hưởng mạnh nhất đến tư duy lý luận văn học của ông. Điều này, một mặt, liên quan trực tiếp đến một trong những trọng tâm nghiên cứu của Trương Đăng Dung – phương thức tồn tại của tác phẩm văn học và vấn đề người đọc; mặt khác, như một điều kiện tiên quyết cho việc nghiên cứu, khi Mỹ học tiếp nhận đã thu tóm trong nó hầu như toàn bộ tri thức khoa học văn học hiện đại và hậu hiện đại. Trương Đăng Dung nhận định: “Có thể nói rằng ý tưởng sâu sắc nhất của Mỹ học tiếp nhận là: Cái Hữu thể (tác phẩm nghệ thuật) có thể xác định như là sự khám phá được xảy ra trong một kết cấu tưởng tượng (trong tình thế tiếp nhận)” [1,137-138].

Trương Đăng Dung đã cho rằng, Mỹ học tiếp nhận của trường phái Konstanz do H.R. Jauss đứng đầu là *Trường giải học lý luận văn học*. Mục đích của nó là “tổ chức nghĩa của văn bản văn học trên cơ sở mở ra *sự vận dụng, ý thức lịch sử tác động, chân trời của*

câu hỏi và từ hoạt động hòa đồng tâm đốn đọi...[1,139-140]. Ông đã đúc kết những luận điểm cơ bản của H.R. Jauss như sau:

Thứ nhất, Jauss đã kế thừa và tiếp nối Heidegger và Gadamer khi xem vấn đề sự vận dụng và sự hiểu văn bản là trung tâm, nhưng đồng thời ông đi xa hơn khi xây dựng *phương pháp luận tường giải học văn học*. Ông muốn vượt lên tường giải học hiện đại chỉ lấy thông điệp và sự cắt nghĩa làm trung tâm. Trước ông, có hai con đường để lựa chọn: 1. *sự hiểu văn bản*; 2. *sự vận dụng văn bản*. Trương Đăng Dung đã phân tích, rằng Heidegger đã đi trên con đường thứ nhất, *lấy sự hiểu làm trung tâm*; còn mỹ học tiếp nhận thì *lấy sự vận dụng làm trung tâm*. Sự vận dụng văn bản nghệ thuật khác với sự hiểu văn bản ở một yếu tố cơ bản là sự hiểu luôn luôn liên quan đến cá nhân, mang tính bản thể, tự tạo; còn sự vận dụng thì gắn liền với bản tính tự nhiên của nó, được mở ra, được so sánh, nó là một loại đối thoại xã hội học – văn hóa, *là lịch sử tác động được tạo ra từ quan điểm của người tiếp nhận, là sự nhân lên của ý nghĩa theo tiến trình thời gian*.

Thứ hai, khái niệm cơ bản của H.R. Jauss là *kinh nghiệm thẩm mỹ*. Kinh nghiệm thẩm mỹ, theo sự lý giải của Trương Đăng Dung là sự kiện trong đó tác phẩm nghệ thuật được thể hiện thông qua quá trình hiểu và vận dụng văn bản. Tác phẩm văn học tồn tại thông qua việc người ta đọc nó và sự tác động của nó đến người đọc. Jauss cho rằng chiêm nghiệm đầu tiên của tác phẩm nghệ thuật xảy ra trong tác động thẩm mỹ, đây chính là sự hiểu, sự thưởng thức mang tính nhận thức.

Thứ ba, Jauss đã đưa ra khái niệm mới là *sự đồng nhất hóa thẩm mỹ*. Một trong những khía cạnh quan trọng nhất của Katarzis là sự đồng nhất với nhân vật văn học trong các văn bản kịch và văn xuôi. Tư duy hiện đại đặt cá nhân thành vấn đề, nó bàn về cá nhân, về việc người đóng vai trò tích cực xuất hiện như thế nào trong quá trình văn học. Trương Đăng Dung phân tích rằng, Jauss dựa trên cơ sở khái niệm cá nhân được xây dựng trên sự liên chủ thể hóa, đã diễn đạt lại loại hình và *chuyển từ các phạm trù mỹ học mô tả sang mỹ học tiếp nhận*. Dựa vào sự lý giải theo lịch đại, Jauss đã đưa ra những mô hình đồng nhất hóa:

- Cổ xưa nhất là *sự đồng nhất hóa kết hợp*, nó đặc trưng cho xã hội nguyên sơ, nhưng được kéo dài cho đến khi tính chất độc lập của nghệ thuật được triển khai ở thời tư bản chủ nghĩa.

- *Sự đồng nhất hóa thán phục* xảy ra với nhân vật hoàn thiện, buộc người đọc phải thán phục.

- *Sự đồng nhất hóa cảm thông*, gắn kết người đọc với loại hình nhân vật bình thường, không hoàn thiện.

- *Sự đồng nhất hóa thanh lọc*, xảy ra với nhân vật chịu đựng và bất an, với nhân vật bị kịch điển hình và nhân vật hài kịch chính. Sự đồng nhất hóa kiểu này nâng người đọc lên.

- Sự đồng nhất hóa *mia mai*, xảy ra khi nhân vật gắn chúng ta với sự phản cảm. Phần lớn các nhân vật của văn học hiện đại thuộc loại này, nhất là ở các tác phẩm của các nhà văn tiên phong chủ nghĩa.

Thứ tư, quan niệm *Lịch sử văn học là lịch sử của mối quan hệ giữa tác phẩm và người tiếp nhận*. Công trình *Lịch sử văn học như là sự khiêu khích đối với khoa học văn học* của H.R. Jauss được xem là tuyên ngôn của ông về mỹ học tiếp nhận. Theo Trương Đăng Dung, đây là “một thể nghiệm có ảnh hưởng lớn trong việc kết hợp và vận dụng đồng bộ các phương pháp lịch đại – lịch sử và đồng đại – tường giải học cũng như những phương thức tiếp cận xuất phát từ tác phẩm và từ hiện thực nằm bên ngoài tác phẩm” [1,148]. Theo Jauss thì sự tồn tại của tác phẩm không thể thiếu sự tham gia của người đọc. Không có văn học nếu không có người đọc, một nền văn học không chỉ gồm các tác phẩm văn học: văn học có từ mối quan hệ giữa tác phẩm và người tiếp nhận, từ đời ngũ thay đổi không ngừng về mặt lịch sử của những người tiếp nhận cùng thời và những người tiếp nhận mai sau. Vì thế, *mỹ học sáng tạo khép kín* trước đây cần phải được bổ sung bằng *mỹ học tiếp nhận và mỹ học tác động*. Jauss đã đề nghị *viết lại lịch sử văn học trên cơ sở mỹ học tiếp nhận*.

1.2. Vấn đề tái tạo hiện thực và sáng tạo ký hiệu thẩm mỹ

- Vận dụng thuật ngữ “cụ thể hóa” của Mỹ học tiếp nhận, Trương Đăng Dung nhấn mạnh rằng, tác phẩm văn học là kết quả của sự sáng tạo có chủ ý. Nguồn gốc sự tồn tại của nó có trong hoạt động của ý thức sáng tạo nơi tác giả, còn cơ sở dung chứa của sự tồn tại thì ở trong văn bản viết hay trong một cơ chế vật chất khác (máy ghi âm, máy tính). Tác phẩm văn học là một hiện tượng trừu tượng, chỉ có thể hình dung sự hiện hữu của nó qua khái niệm, mà nói theo hiện tượng luận, nó là vật có chủ ý. Xét trong mối quan hệ với người đọc, nó là vật tồn tại phụ thuộc, người ta có thể tìm thấy sự xuất hiện tác phẩm ở sự sáng tạo cá nhân mà nhà văn thực hiện khi sáng tác... Những hoạt động ý thức của nhà văn không thuộc về tác phẩm, mà chỉ là cơ sở tồn tại của tác phẩm mà thôi. Trương Đăng Dung cũng đã lưu ý rằng, không nên đồng nhất mọi người đọc đều như nhau trước một tác phẩm, và trong thái độ phản biện văn học, những ý kiến khác nhau không liên quan đến bản thân tác phẩm, mà chỉ liên quan đến sự cụ thể hóa (cùng với sự hiện thời hóa, đồng nhất hóa) của người đọc đối với tác phẩm mà thôi.

Trương Đăng Dung lý giải về sự khác nhau giữa văn bản và tác phẩm. Theo ông, văn bản là một trong những yếu tố cấu thành tác phẩm, nghĩa là văn bản chỉ có thể được hình dung trong mối quan hệ với thực tại nằm ngoài văn bản, mối quan hệ này đồng thời cũng có mặt trong tác phẩm. Vì vậy, cùng một tác phẩm sẽ tạo nhiều tác động khác nhau, nghĩa là cùng một tập hợp các yếu tố của văn bản sẽ tạo mối liên hệ với thực tại nằm ngoài văn bản ở những người đọc khác nhau: “Để hoạt động giao tiếp của nghệ thuật được thực hiện cần phải tạo ra nhiều yếu tố cấu trúc khác nhau giao nhau của mỗi tác phẩm, mỗi người đọc, vì như vậy người đọc mới hiểu được cái ngôn ngữ tự nhiên mà người ta ít hướng ra văn bản” [2,46].

Ở Việt Nam, Hoàng Trinh được xem là người đầu tiên đưa lý thuyết ký hiệu vào lý luận văn học, góp phần soi sáng và lý giải nhiều vấn đề của tác phẩm văn học. Nhưng phải đến

Trương Đăng Dung thì khuynh hướng này mới thực sự mở ra những khả năng đột phá cho con đường nghiên cứu văn học ở ta, khi ông diễn giải vấn đề ký hiệu học từ gốc, đưa vào đó những vấn đề của triết học ngôn ngữ, lý thuyết tiếp nhận, thi pháp chức năng. Thông qua việc phân tích cấu trúc bên trong của văn bản văn học, các mối liên kết văn bản và sự tạo nghĩa ngôn từ, ông đã chỉ ra các liên hệ cấu trúc hình thành nội dung nghệ thuật. Nghiên cứu ngôn từ văn bản, phải xuất phát từ đơn vị ký tự nhỏ nhất là từ, cần phân biệt ba yếu tố cái biểu đạt, cái được biểu đạt và nghĩa. Cũng cần lưu ý là nguyên tắc liên kết giữa cái biểu đạt, cái được biểu đạt và nghĩa trong trường hợp ở từ thường dùng sẽ mang tính chất khác so với từ ở trong văn bản văn học. Trong văn bản văn học, cái biểu đạt do các câu, cái được biểu đạt thì do cái đối tượng được biểu đạt thông qua các câu tạo thành. Như vậy, nghĩa của các từ làm nên nghĩa của các câu và nghĩa của các câu làm nên chính thể nghĩa cao hơn. Ở đây, người đọc phải làm chiếc cầu nối liên hai lĩnh vực ngôn ngữ và đời sống, nhưng giữa hai lĩnh vực không phải là một và ấn tượng về chúng ở người đọc là rất mơ hồ, vì mọi cảm nhận của người đọc đều mang tính chủ quan do việc không thể khoanh vùng được hết nghĩa của văn bản, hơn nữa nghĩa trong văn bản không chỉ là nghĩa mà còn là giá trị. Vì vậy, qua hoạt động đọc thực tế, có nhiều trường hợp các người đọc có những nhận xét, đánh giá khác nhau, thậm chí đối nghịch nhau về hệ thống nghĩa – giá trị của tác phẩm. Cho nên mọi sự đánh giá và những khác biệt, sai biệt ý kiến về cùng một tác phẩm đều liên quan đến “tâm đón đợi” và các kiểu đọc của độc giả. Tác phẩm văn học không bao giờ có sự đồng nhất giữa mọi hoạt động đọc. Vấn đề đặt ra giữa rất nhiều kiểu đọc, cái gì đảm bảo sự đồng nhất giữa người đọc với người đọc, người đọc với tác phẩm và sự đồng nhất của tác phẩm với chính nó. Trương Đăng Dung khẳng định không bao giờ có được sự đảm bảo về điều đó. Bởi vì các văn bản văn học luôn tạo ra những khả năng để có thể lý giải qua rất nhiều cách khác nhau mà tính không lặp lại của nó vẫn không thay đổi.

Vận dụng các lý thuyết phương Tây vào thực tiễn lý luận văn học Việt Nam, Trương Đăng Dung đã góp phần làm rõ quá trình thứ nhất của tác phẩm. Văn bản văn học, sản phẩm được hoàn thành của nhà văn chưa phải đã là tác phẩm, mà mới chỉ là bước đầu tiên quan trọng để nó trở thành tác phẩm văn học. Qua các tập hợp ký tự phi vật thể, chứa đựng nghĩa, luôn biến động trong một cấu trúc mở, tác phẩm văn học tồn tại theo phương thức riêng, đó là buộc phải thông qua hoạt động đọc. Văn bản văn học chỉ có thể được xem là tác phẩm văn học chừng nào nó được đọc. Dĩ nhiên, văn bản đó phải chứa đựng giá trị thẩm mỹ, nhưng đây mới chỉ là giá trị tự thân. Giá trị đó chỉ có thể được hình dung và hiển thị trong quá trình đọc và sau khi đọc của độc giả.

Theo Trương Đăng Dung, tác phẩm văn học là một tổ hợp gồm nhiều đặc điểm, trong đó có ba đặc điểm cơ bản: đặc điểm ngôn ngữ, đặc điểm thể loại và đặc điểm quy ước giá trị. Tuy nhiên, trong quá trình tiếp cận văn bản, người đọc còn phải cần đến nhiều yếu tố khác để phân định những gì là thuộc về văn học. Đây là lúc mà người đọc thể hiện được vai trò của kinh nghiệm thẩm mỹ của họ. Trương Đăng Dung phân tích hai giai đoạn của hoạt động đọc: giai đoạn đầu là quá trình đọc, giai đoạn hai là sau khi đọc. Quá trình đọc là khi mà trong ý thức người đọc văn bản được chuyển hóa thành tác phẩm. Trong khi đọc, dụng ý nghệ thuật của nhà văn và tập hợp những quy ước (đã được hình thành) ở người đọc sẽ va chạm nhau. Người đọc

đối chiếu ý định của nhà văn với tập hợp những quy ước của mình. Trong trường hợp cả hai hòa hợp được với nhau thì khi đó văn bản sẽ được gọi là tác phẩm văn học. Như vậy, để được gọi là tác phẩm văn học thì phải có được hai điều kiện: - một văn bản với đầy các đặc trưng văn học; - văn bản đó phải được đọc (tiếp nhận). Điều này dẫn đến một thực tế là, không phải lúc nào văn bản của nhà văn cũng được tiếp nhận như họ mong muốn. Ở những văn bản được viết ra bằng những kỹ thuật mới với các yếu tố không không được chuẩn bị trước đối với tập hợp quy ước và kinh nghiệm thẩm mỹ của người đọc thì không được chấp nhận ngay. Nhiều khi nó phải đợi đến những thế hệ độc giả tiếp theo, những thế hệ độc giả thuộc về nó, thì văn bản mới có được sự thông hiểu.

2. ĐỘC GIẢ VÀ QUÁ TRÌNH BIẾN VĂN BẢN THÀNH TÁC PHẨM VĂN HỌC

2.1. Diễn giải về lịch sử người đọc

Lý thuyết văn học Tiền hiện đại

Thời kỳ tiền hiện đại được hiểu là bắt đầu từ thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX. Đây cũng là thời điểm xuất hiện các khoa học lịch sử học, tâm lý học, xã hội học, ngữ văn học. Những ngành khoa học xã hội này thể hiện một cách tập trung nhất hệ hình tư duy tiền hiện đại, chịu ảnh hưởng sâu sắc chủ nghĩa thực chứng của August Comte, Herbert Spencer, thuyết tiến hóa của Darwin. Tư duy tiền hiện đại đạt đến đỉnh cao vào những thập niên cuối thế kỷ XIX và nhiều tư tưởng của nó còn ảnh hưởng mạnh đến các khoa học xã hội, trong đó có khoa học văn học, trong suốt thế kỷ XX. Có ba trào lưu tư tưởng quan trọng tác động đến hệ hình tư duy tiền hiện đại trong khoa học văn học là *Trào lưu Thực chứng*, trào lưu *Lịch sử tinh thần* và *Chủ nghĩa Marx cổ điển*.

Tiền hiện đại là thời kỳ hình thành tư duy khoa học văn học. Trong quá trình xây dựng ngành khoa học này, nhìn chung, các nhà ngữ văn đã lấy tác giả làm trung tâm nghiên cứu. Trương Đăng Dung viết: “Bước sang thế kỷ XIX, người ta buộc phải nhận ra rằng, ý nghĩa, bản chất của văn học không tự nó nói lên, mà để thấy được chúng, phải cần đến những hoạt động có hệ thống và mục đích, với việc bám sát một cách trung thành mọi hoạt động của tác giả trong đời sống thường nhật liên quan đến các văn bản, sự kiện văn học... Nghiên cứu văn học tiền hiện đại trực tiếp gắn nghĩa tác phẩm với người đã tạo thành nó. Đối với tư duy tiền hiện đại, nghĩa nội tại không phải xuất xứ từ bản chất của văn bản mà từ tính ý hướng, từ thông điệp của người tạo ra nó” [4,7]. Như vậy, đối với tư duy tiền hiện đại, *nghĩa* của văn bản là cái được thiết lập thông qua chủ ý của người tạo ra nó, *nghĩa* phụ thuộc vào cái siêu nghiệm của các chủ thể sử dụng ngôn ngữ.

Tư duy lý thuyết tiền hiện đại không phủ nhận vai trò của văn bản, của tiếp nhận văn học, nhưng trong sự tạo thành ý nghĩa, người ta cho rằng tác giả mới là người quyết định; văn bản chỉ là công cụ, là cái chuyên chở của các nghĩa mà tác giả dụng công; còn người đọc phải là

người hiểu được nghĩa do tác giả trình bày trong văn bản, vì vậy, người đọc để hiểu được văn bản thì phải trở ngược lên, tìm thấy con người tác giả trong đó.

Đại biểu lớn nhất của trào lưu thực chứng trong văn học là Hyppolite Taine (1828 – 1893), với công trình chính là *Lịch sử văn học Anh* (1899). Theo Trương Đăng Dung, thì trong quá trình diễn giải các vấn đề văn học, Taine có nói đến sự tiếp nhận, nhưng lại bàn qua trung gian đạo đức – lịch sử, “khoa học văn học có thể làm hình thành các cảm xúc, giúp các thể hệ sau học được từ quá khứ điều gì đó, nó tạo nên ý nghĩa cho đời sống xã hội” [4,9]. Trong tinh thần này, thì vấn đề người đọc chỉ được xem xét trên bình diện xã hội, được định hướng trong sự tiếp nhận, “... theo đó, con người chỉ trưởng thành trong quá trình thu nạp cho mình những giá trị của cộng đồng, thì hiểu và năng lực cảm nhận của con người được hình thành để phù hợp với hoạt động thực tiễn của nó” [4,10].

Khoa văn học lịch sử tinh thần xuất hiện vào những năm cuối thế kỷ XIX, gắn với tên tuổi Wilhelm Dilthey. Trào lưu lịch sử tinh thần chống lại tính cơ học của trào lưu thực chứng trong cách giải quyết các vấn đề của đời sống tinh thần xã hội. Bởi lẽ, nếu tinh thần có trong quá trình lịch sử, thì cần phải có một phương pháp, một lý luận nhận thức để có thể nắm bắt được một cách tin cậy “các quá trình lịch sử - tinh thần”. Trương Đăng Dung đã phân tích về quan điểm của trào lưu này: “Lịch sử tinh thần cho rằng, tự nhiên là thực tại độc lập với chúng ta, còn lịch sử là nơi chúng ta tham dự và gặp cái thực tại riêng bên trong của mình, vì thế, để nhận biết nó, chúng ta cần đến những phương pháp khác về cơ bản các phương pháp của khoa học tự nhiên. Quan điểm này của lịch sử tinh thần, một lần nữa cho thấy sự đối lập sâu sắc với quan điểm của chủ nghĩa thực chứng, vì trong các khoa học nhân văn thực chứng, người ta đã công khai vận dụng các phương pháp nhận thức của khoa học tự nhiên” [4,12].

Trào lưu lịch sử tinh thần lấy “cái tinh thần sống hiện tại” làm đối tượng nghiên cứu. Theo Trương Đăng Dung, đây là nguyên nhân để lịch sử tinh thần trở thành trào lưu tiên hiện đại, đưa người tiếp nhận vào trung tâm. Ông viết: “Phương pháp quyết định của lịch sử tinh thần là sự so sánh, nhưng không phải là sự so sánh các văn bản, thời đại, tác giả, mà là sự so sánh cái tôi riêng tư thực hiện sự hiểu (các cảm xúc, ấn tượng riêng của anh ta) với những cái tôi khác. Đây là hành động xâm nhập vào trong, là sự trải nghiệm của chủ thể tiếp nhận” [4,13]. Mặc dù mới chỉ chú ý hoạt động tiếp nhận ở phương diện tinh thần được tạo nên từ văn bản, nhưng trường phái này đã đặt con người cá nhân vào trung tâm của hoạt động tiếp nhận, bước đầu đem đến quan niệm dân chủ trong đời sống văn học.

Lý thuyết văn học Hiện đại

Tư duy hiện đại chú trọng đến những gì ở phía sau cái bề mặt của sự vật, hiện tượng. Trương Đăng Dung nhận xét: “Nếu tư duy tiên hiện đại đã khám phá những mối liên hệ bề mặt có thể cảm nhận được của thế giới, thì tư duy hiện đại phát hiện ra rằng những mối liên kết bề mặt không phải do những quy tắc bề mặt cụ thể dẫn dắt, mà là do những hình thức ổn định, ẩn kín; những cấu trúc trừu tượng được xác lập một cách bài bản, chi phối” [5,12]. Quan điểm của chủ nghĩa hiện đại về văn học đã xuất phát từ nhận thức “tác phẩm văn học độc lập với tác giả,

thời đại, người tiếp nhận”. Khoa học văn học hiện đại xem tác phẩm văn học là trung tâm tạo nghĩa văn học. Nó xóa bỏ khái niệm tác giả truyền thống, thay thế quan niệm về nhân – quả bằng quan niệm về chủ thể và kết cấu ý nghĩa được tạo ra bên trong khuôn khổ của ngôn ngữ.

Tách biệt mối quan hệ giữa tác giả, văn bản và người đọc trong quan niệm nghiên cứu của chủ nghĩa hiện đại chỉ là chủ hướng của thao tác tư duy. Văn bản là trung tâm – trung tâm chính, nhưng bên cạnh còn có các vấn đề ngoại vi, mà dù muốn hay không, vẫn phải nằm trong trường chú ý của khoa học văn học hiện đại, trong đó vấn đề tiếp nhận vẫn “ám ảnh” đến vấn đề ngôn từ, nghĩa và ý nghĩa của văn bản. Vấn đề người đọc được đặt ra gắn với quan niệm mới về chức năng xã hội của văn học nghệ thuật ở thời hiện đại. Trương Đăng Dung đã phân tích về vấn đề này như sau: “Con người hiện đại muốn hiểu và xác lập chính mình qua tác phẩm nghệ thuật, nó muốn kiểm soát bản thân, muốn đến gần hơn những bí mật của chính nó. Và vì vậy, hệ giá trị trong tư duy hiện đại cũng tiếp tục bị phân nhỏ: Không chỉ các nhóm xã hội mà từng con người, từng cộng đồng nhỏ cũng trở thành nhân tố chứa đựng hệ giá trị. Các hệ giá trị được xây dựng trên những giai đoạn lịch sử lớn, lúc này trở nên bất ổn, muốn thay thế nhau. Sự thay thế lẫn nhau giữa các giá trị diễn ra nhanh chóng đồng thời với việc xuất hiện các hệ thống giá trị đối lập nhau, tồn tại song song” [5,15-16].

Xã hội hiện đại đã xây dựng lại mối quan hệ giá trị cũng như cách hiểu về giá trị văn hóa nghệ thuật, tạo nên một sự thay đổi rất cơ bản về nhận thức của công chúng hiện đại: giá trị văn học ngày càng tùy thuộc vào thiên hướng và năng lực tiếp nhận. Trương Đăng Dung nhận xét: “Người đọc hiện đại một mình thực hiện việc hiểu tác phẩm, điều mà trước đây một truyền thống cộng đồng hoặc một hệ tư tưởng giai cấp bảo đảm cho nó...” [5,16].

Văn học hiện đại tồn tại trong một điều kiện đầy tính cạnh tranh, khi bên cạnh nó xuất hiện các ngành nghệ thuật – kỹ thuật có tính tương tác cao và tính đại chúng như điện ảnh, truyền hình, video... Những điều này đã đặt văn học trước tình thế mới khi đối diện với người đọc, kẻ quyết định đến sự sống còn của nó, buộc nó phải mở ra vấn đề mới – vấn đề người đọc. Liên quan đến vấn đề này, ngoài lý thuyết văn học về người đọc, các vấn đề của tâm lý học, xã hội học, mỹ học, thậm chí cả kinh tế chính trị học cũng được kéo vào để giải quyết tổng thể tiếp nhận văn học như một giá trị.

Lý thuyết văn học Hậu hiện đại

Thời kỳ hiện đại kéo dài cho đến những năm 60 (thế kỷ XX), trong tồn tại xã hội đã bắt đầu xuất hiện những dấu hiệu của hậu hiện đại. Hậu hiện đại có mối quan hệ với xã hội hậu công nghiệp, một xã hội coi trọng hoạt động dịch vụ và tiêu thụ hàng hóa. Ihab Hassan cho rằng hậu hiện đại là thuật ngữ mà chúng ta không bao giờ có được ý nghĩa gốc, không thể tách bạch hai ý nghĩa, và điều không thể tránh khỏi là ý nghĩa chủ quan không hình thành trên tính mục đích, mà mang tính chất trò chơi. Theo ông, hậu hiện đại là hiện tượng văn hóa mà chủ yếu là hiện tượng văn học, vì nó phá vỡ cái hệ thống độc đoán duy nhất của chủ nghĩa hiện đại. Hậu hiện đại chấp nhận cái hỗn loạn và sống với nó “trong mối quan hệ sâu sắc, chặt chẽ”.

Các nhà lý luận hậu hiện đại phương Tây đều xem Khoa học văn học là khoa học về *sự sử dụng văn học*. Đối với các nhà hậu hiện đại, “nghiên cứu văn học không phải để phát hiện ra các hiện tượng mới mà là để *thực nhận các phương thức sử dụng văn học mới*”. Những phương thức sử dụng này khác với sự định hướng truyền thống như là sự *chỉ dẫn sử dụng*. Đối với quan niệm hậu hiện đại, sẽ không bao giờ chúng ta xác lập được một phương thức diễn giải văn học hoàn thiện, tối ưu, cuối cùng. Văn bản văn học là cái ổn định, nhưng ý nghĩa và thông điệp của nó dành cho người đọc lại thay đổi theo thời gian. Đối với văn học, sự sử dụng (tiếp nhận) cũng là sự sáng tạo.

Theo Trương Đăng Dung: “Không có và không thể có một thứ văn học phổ quát, chung cho tất cả” [5,23]. Ông đã phân tích thuật ngữ “mẫu hình” của H.R. Jauss, mà theo đó, đối tượng của khoa học văn học không phải là một hiện tượng bên ngoài được những nguyên tắc nhận thức mang tính mô hình do một cộng đồng khoa học xác lập và kiểm soát, mà nó là sự phổ quát hóa các hành động hiểu (văn bản văn học). Sự hiểu văn bản này ở người lý giải thay đổi theo từng thời đại và thường là độc lập với cách hiểu trước đó đã trở nên không còn hợp lý. Vì vậy, đối với khoa học văn học hậu hiện đại, *trọng tâm chú ý của nghiên cứu đã chuyển sang người đọc*.

2.2. Vấn đề người đọc trung tâm

Tác phẩm văn học như là quá trình được xem là công trình nghiên cứu lý thuyết hoàn chỉnh nhất và nổi tiếng nhất của Trương Đăng Dung cho đến thời điểm hiện nay. Đây là cuốn sách mà người viết đã thấm tẩm vào trong đó những tri thức sâu rộng và cơ bản nhất của khoa học xã hội hiện đại, từ Hiện tượng luận, Tường giải học, Chủ nghĩa thực chứng, Triết học mácxít cho đến những thành tựu quan trọng của lý luận văn học như Chủ nghĩa hình thức Nga, Thi pháp cấu trúc Praha, Ký hiệu học văn học, Giải cấu trúc, Mỹ học tiếp nhận... Đòi sống thực sự của tác phẩm văn học diễn ra như thế nào? Đây là câu hỏi quan trọng nhất đặt ra với lý luận văn học hiện đại, hậu hiện đại. Liên quan đến vấn đề *tác phẩm văn học như là quá trình*, Trương Đăng Dung đã nhìn thấy trong các công trình nghiên cứu của các nhà lý luận hàng đầu thế giới những sự lý giải, bổ sung, tiếp nối nhau nhằm hướng tới sự hoàn thiện hệ thống các quan niệm về tác phẩm văn học; những sự phù hợp, những khả năng cho việc triển khai tiếp và những giới hạn trong lý thuyết của từng người.

Người đầu tiên có sự gợi ý cho tư duy lý luận của Trương Đăng Dung về vấn đề *tác phẩm văn học như là quá trình* là R. Ingarden với công trình *Tác phẩm văn học nổi tiếng*. Trong công trình của mình, Ingarden đã không tiếp tục con đường Hiện tượng học tiên nghiệm của E. Husserl, mà vẫn duy trì quan điểm về phương thức tồn tại *hiện thực* và *lý tưởng* của tác phẩm văn học. Dựa vào cách phân tích đối tượng của Hiện tượng học, Ingarden cho rằng tác phẩm văn học là vật *có chủ ý*, nhưng những hoạt động ý thức của nhà văn không thuộc về tác phẩm mà chỉ là cơ sở tồn tại của tác phẩm văn học mà thôi. Như là khách thể mang tính chủ ý, đời sống của tác phẩm văn học phụ thuộc vào những hoạt động cụ thể hóa (đọc) có chủ ý của người đọc hướng tới nó. Trương Đăng Dung nhận xét: “Với việc vận dụng hiện tượng học vào nghiên

cứu văn học, *Ingarden đã lưu ý đến mối liên kết của các yếu tố trong văn bản văn học trước tác động của ý thức người đọc hướng tới nó*” [3,51].

Cùng xu hướng đề cao tính cá nhân của hoạt động đọc giống như Ingarden là W. Iser, với các công trình *Người đọc tiềm ẩn* (1972), *Hành động đọc* (1976) và *Thế giới của sự diễn giải* (2000). Iser đã cho rằng tác phẩm văn học có hai cực (giống như Ingarden cho rằng tác phẩm văn học có hai lần ý thức), đó là cực nghệ thuật (văn bản của tác giả) và cực thẩm mỹ (kết quả mà hành động đọc tạo nên). Iser đã đưa ra các khái niệm *văn bản tiềm ẩn*, *người đọc tiềm ẩn* để lý giải về các đặc điểm của văn bản, trong đó có văn bản tiềm ẩn với mối liên hệ người đọc tiềm ẩn. Người đọc tiềm ẩn được tạo ra bởi chính văn bản và nó không đồng nhất với bất kỳ người đọc có thực nào. Dưới sự dẫn dắt của người đọc tiềm ẩn, người đọc có thực vừa chủ động vừa thụ động.

H.G. Gadamer là người đại diện cho xu hướng nhấn mạnh yếu tố tập thể của hoạt động tiếp nhận văn bản văn học theo tinh thần tường giải học. Trong công trình *Chân lý và phương pháp* (1960), một công trình có ảnh hưởng sâu sắc tới sự phát triển của tư duy hệ hình lý luận văn học. Theo Gadamer, nghĩa của tác phẩm văn học không thể hiện trong chủ ý của tác giả. Quá trình tồn tại các văn bản từ thời đại này đến thời đại khác là quá trình chúng có những nghĩa mới, đó chính là tính bất ổn của văn bản (nằm trong ngôn ngữ). Mọi sự hiểu về văn bản văn học đều là sự sáng tạo, là sự hiểu một cách khác. Gadamer đã phê phán quan niệm công cụ về ngôn ngữ và nhấn mạnh rằng “lời nói thuộc về các tình huống của hữu thể mà trong đó lời nói hình thành và điều muốn nói được tạo ra”.

Gần gũi với quan điểm của Gadamer là H.R. Jauss, người đứng đầu trường phái Mỹ học tiếp nhận Konstanz. Jauss đã phát triển quan điểm của Gadamer về tường giải học, về lịch sử tác động của tác phẩm và về sự dung hợp của các tâm đón đợi.

Trên cơ sở phân tích một cách khách quan về các quan điểm của những nhà nghiên cứu hàng đầu của lý luận văn học hiện đại, Trương Đăng Dung đã đưa ra cách hiểu của mình về phương thức tồn tại của tác phẩm văn học. Thứ nhất, tác phẩm văn học được tạo ra từ nhiều lớp không thuần nhất. Đây chính là đặc trưng cấu trúc cơ bản của tác phẩm văn học. Theo ông, một mặt tác phẩm không chỉ tạo nên chỉnh thể, mà ngay cả trong chỉnh thể đó cũng có sự phân tầng, có nhiều lớp; mặt khác, giữa các lớp dù có mối quan hệ gắn kết với nhau thì tác phẩm vẫn không đơn thanh, mà là đa thanh. Bởi vì, mọi lớp của tác phẩm mang những chất lượng giá trị đặc thù theo cách của nó và tổng thể của chúng tạo thành chất lượng thẩm mỹ chung cho tác phẩm, đó là sự đa thanh hài hòa. Thứ hai, là kết quả của hoạt động ý thức tác giả, văn bản cũng mới chỉ được xem là bộ khung chứa đựng những tiềm năng. Để văn bản triển khai, phải có một quá trình hoạt động ý thức của người đọc, nghĩa là cần đến sự cụ thể hóa (sự đọc) tương ứng. Vì vậy, tác phẩm văn học là hai lần chủ ý.

Theo Trương Đăng Dung, có thể chia quá trình tiếp nhận văn học thành ba cấp độ: đánh giá, phân tích và mô tả. Đánh giá là giai đoạn đầu của quá trình tác động văn học, khi tác phẩm được đọc và người đọc tham dự vào quá trình tác động bằng những kinh nghiệm thẩm mỹ và bằng những trải nghiệm cá nhân. Người đọc tiếp cận tác phẩm bằng ý hướng tới giá trị tác phẩm

và kết quả của quá trình này là sự tạo thành giá trị thẩm mỹ, cái giây phút khoái cảm có tên gọi là *cái đẹp*. Phân tích là giai đoạn tác phẩm đối diện với ý thức của người đọc, nó độc lập với tình trạng cụ thể của người đọc. Vai trò cá nhân của người đọc lúc này mờ nhạt. Người đọc chờ đợi thông điệp nào đó từ tác phẩm, vì vậy anh ta chủ định hướng về nghĩa (nội dung) của tác phẩm văn học. Lúc này tác phẩm lại gặp ý thức người đọc các kinh nghiệm, trải nghiệm, hệ thống mã xã hội. Vì vậy, bản thân nghĩa của tác phẩm luôn là quá trình. Mô tả là giai đoạn người đọc bằng hệ thống mã văn học và ngôn ngữ có trong ý thức, bằng sự định hướng tới các chuẩn mực văn học – thẩm mỹ, anh ta tiếp cận với tác phẩm lúc này chỉ trong phần còn là sinh động đối với bản thân.

Khi các quá trình trên diễn ra thì việc chiếm lĩnh hiện thực và thẩm mỹ nơi tác phẩm xảy ra cùng một lúc. Chi khác là khi sáng tác thì đó là sự chiếm lĩnh thẩm mỹ hiện thực để tạo nên văn bản nghệ thuật, còn khi tiếp nhận thì chiếm lĩnh thẩm mỹ là việc đầu tiên. Sự chiếm lĩnh này từ phía tác giả diễn ra theo trật tự: mô tả – phân tích – đánh giá hiện thực thẩm mỹ; còn từ phía người đọc thì quá trình xảy ra ngược lại: đánh giá – phân tích – mô tả tác phẩm.

Khi thiết lập mối quan hệ giữa tác giả – tác phẩm – người đọc, và vận dụng nguyên tắc hỏi – đáp của phương pháp chú giải văn bản, Trương Đăng Dung đã phân biệt tầm đón nhận từ bên trong, cái ảnh hưởng được quyết định thông qua văn bản văn học và sự tiếp nhận liên quan đến người đọc của một xã hội nhất định, được gọi là yêu cầu xã hội. Ngành chú giải học có nhiệm vụ tách biệt hai kiểu tiếp nhận: một mặt, cần mở ra quá trình tích cực, trong đó ảnh hưởng và nghĩa của văn bản được cụ thể hóa đối với người đọc hiện tại; mặt khác, cần phải “phục chế” lại cái quá trình lịch sử trong đó văn bản được các thế chế khác nhau của các thời đại khác nhau tiếp nhận và lý giải bằng các phương pháp khác nhau.

Bắt đầu của hoạt động đọc, trên bình diện hình thức, người đọc đi từ bộ phận đến toàn thể. Lúc này, người đọc nhận ra hình thức toàn vẹn của tác phẩm, nhưng nghĩa và ý nghĩa của nó thì chưa rõ. Sau đó, trong hoạt động lý giải, trên bình diện ý nghĩa, người đọc đi từ toàn thể đến bộ phận, và từ các nghĩa, người đọc cụ thể hóa điều cơ bản nhất cho bản thân.

Mỹ học tiếp nhận hiện đại được Trương Đăng Dung tiếp thu có cải biên những vấn đề lý thuyết mà các học giả phương Tây đã đề xuất, để từ đó lý giải về mối quan hệ tác giả – tác phẩm – người đọc. Diện nghiên cứu về Mỹ học tiếp nhận của Trương Đăng Dung vừa dựa vào trục lịch đại: tiền hiện đại, hiện đại và hậu hiện đại; vừa dựa vào trục đồng đại: triết học tường giải học của Heidegger, Gadamer, mỹ học tiếp nhận của Ingarden và trường phái Konstanz... Trương Đăng Dung, trên cơ sở tiếp thu lý thuyết nước ngoài, đã đem đến cho giới nghiên cứu văn học Việt Nam những kiến giải hoàn toàn mới về khái niệm văn bản và tác phẩm, nghĩa và giá trị, vị trí của ngôn ngữ trong cuộc sống... đã mở ra những cách hiểu mới cũng như khả năng nghiên cứu mới cho Khoa học văn học. Văn bản là công đoạn cuối cùng của sự sáng tạo nghệ thuật của nhà văn; văn bản là một hệ thống ký hiệu chứa đựng nghĩa, là yếu tố đầu tiên để trở thành tác phẩm; tác phẩm là sự cụ thể hóa văn bản thông qua hoạt động đọc. Như vậy, giữa tác phẩm và văn bản có sự khác nhau về nguyên tắc; văn bản chỉ trở thành tác phẩm khi người đọc

xuất hiện. Chính sự đặt định lại vị trí và chức năng của thuật ngữ văn bản và tác phẩm được xem là bước đột phá trong lý luận văn học vào những năm đầu thế kỷ XXI.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Trương Đăng Dung (2004). *Tác phẩm văn học như là quá trình*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [2]. Trương Đăng Dung (2002). Phương thức tồn tại của tác phẩm văn học, *Tạp chí Văn học*, số 7-8.
- [3]. Trương Đăng Dung (2008). Những giới hạn của Cộng đồng diễn giải, *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, số 9.
- [4]. Trương Đăng Dung (2011). Khoa học văn học tiền hiện đại, *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, số 6.
- [5]. Trương Đăng Dung (2011). Khoa học văn học hiện đại, hậu hiện đại, *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, số 8.
- [6]. I.P.Ilin và E.A.Tzurganova (chủ biên) (2003). *Các khái niệm và thuật ngữ của các trường phái nghiên cứu văn học ở Tây Âu và Hoa Kỳ thế kỷ 20*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

TRUONG DANG DUNG'S PARADIGM THOUGHT OF LITERARY THEORY FROM THE VIEW OF MODERN RECEPTIVE ESTHETICS

Nguyen Xuan Thanh

Department of Literature and Linguistics, Hue University College of Sciences

ABSTRACT

Truong Dang Dung is a famous literary theorist who has changed modern literary theory paradigm of Vietnam from (pre)modern into postmodern through introducing the receptive esthetics. He has many researching works on authors, on process of creating literary texts, on readers and on process from text to literariness.

The Article studies deeply the new points of view of Truong Dang Dung on author, reader and text based on Phenomenology, Hermeneutics and Receptive Esthetics.

Keywords: *Hermeneutics, Konstanz school, Reader, Receptive Esthetics, Truong Dang Dung.*

